



Happy  
New Year



2023

Chúc Mừng Năm Mới



Chúc Mừng Năm Mới

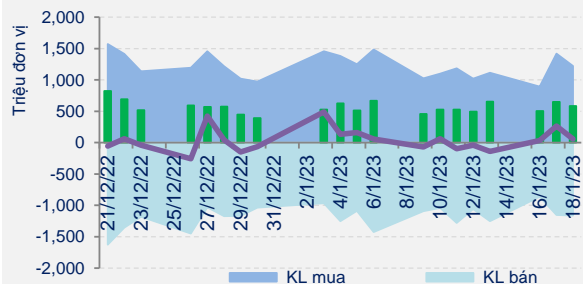
# MARKET LENS

Phiên giao dịch ngày: 18/1/2023

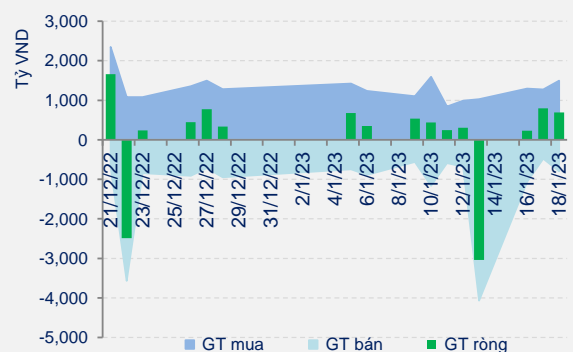
Thống kê thị trường	HOSE	HNX
Index	1,098.28	217.73
% Thay đổi	↑ 0.92%	↑ 1.20%
KLGD (CP)	582,201,090	76,727,692
GTGD (tỷ đồng)	10,231.23	1,205.39
Tổng cung (CP)	1,161,021,072	119,822,300
Tổng cầu (CP)	1,218,968,968	113,407,800

Giao dịch NĐTNN	HOSE	HNX
KL bán (CP)	25,996,069	554,400
KL mua (CP)	59,029,651	1,414,600
GT mua (tỷ đồng)	1,493.13	36.01
GT bán (tỷ đồng)	801.04	13.96
GT ròng (tỷ đồng)	692.09	22.05

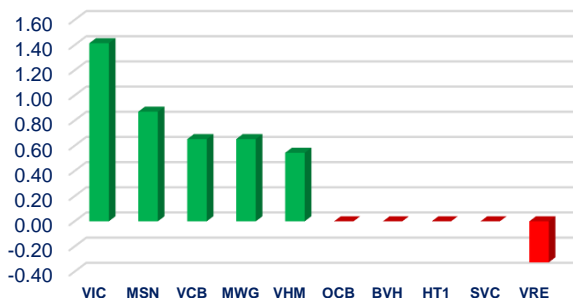
## Tương quan cung cầu HOSE



## Giá trị Giao dịch NĐTNN HOSE



## CÁC CỔ PHIẾU CÓ ẢNH HƯỞNG NHẤT ĐẾN VN-INDEX



## DIỄN BIẾN THỊ TRƯỜNG

VN-Index tiếp tục có phiên tăng điểm thứ 6 liên tiếp với thanh khoản trên mức trung bình 20 phiên. Chốt phiên, VN-Index dừng tại mức 1.098,28 điểm tăng 9,99 điểm (+0,92%) với giá trị giao dịch 10.226 tỷ đồng, VN30 dừng tại 1.115,72 điểm, tăng 11,99 điểm (+1,09%), HNX-Index tăng 2,58 điểm (+1,20%) lên mức 215,15 điểm với 1.205 tỷ trao tay, UPCOM tăng 0,57 điểm (+0,78%) lên mức 73,54 điểm.

Ba cổ phiếu VIC (+2,7%), MSN (+2,5%), VCB (+0,7%) có tác động tốt nhất tới VN-Index với các mức đóng góp 1,436, 0,858, 0,713 điểm. Trong khi đó, hai mã VRE (-1,8%) và HT1 (-3,0%) có tác động tiêu cực nhất với 0,321 và 0,038 điểm mất đi.

Trên sàn HOSE có 322 cổ phiếu tăng giá, 105 cổ phiếu giảm giá. Độ rộng thị trường hoàn toàn nghiêng về bên mua.

Cổ phiếu ngành bán lẻ tăng mạnh nhất thị trường trong phiên hôm nay với các cổ phiếu như MWG (+4,4%), DGW (+6,9%), FRT (+3,9%), PET (+6,8%)... Tăng mạnh thứ hai là nhóm cổ phiếu dệt may với các cổ phiếu tiêu biểu như TCM (+6,9%), TNG (+4,1%), MSH (+2,1%), VGT (+1,9%)...

Cổ phiếu ngành than cũng có một phiên giao dịch tích cực với NBC (+5,9%), TVD (+10,0%), TC6 (+4,3%), TDN (+4,0%), THT (+2,2%)...

Cổ phiếu ngành bất động sản cũng tăng tốt với sắc xanh bao phủ lẫn sắc tím như CEO (+9,8%), DIG (+6,8%), KDH (+3,7%), NLG (+4,7%), IDJ (+9,5%), SCR (+6,8%)..... giúp duy trì đà tăng của thị trường chung.

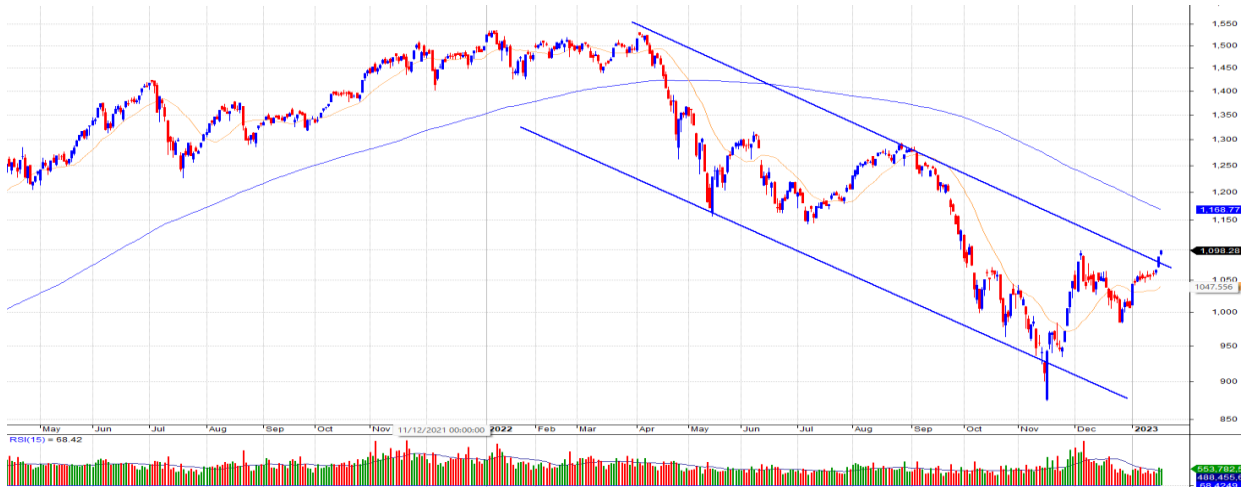
Khối ngoại mua ròng mạnh trong phiên hôm nay với 692,09 tỷ đồng trên sàn HOSE. VND, SSI, TEG là ba cổ phiếu được mua ròng nhiều nhất về khối lượng với lần lượt 5,3 5,2 và 3,3 triệu cổ phiếu. Trên sàn HNX, khối này mua ròng 22,05 tỷ đồng. IDC là mã được mua ròng mạnh nhất với 415 nghìn cổ phiếu.

Trên thị trường phái sinh, hợp đồng tương lai VN30 tháng 1/2023 tăng ít hơn so với chỉ số cơ sở VN30, qua đó chuyển mức chênh lệch từ âm sang dương 1,58 điểm. Điều này cho thấy là tâm lý của các trader đã trở nên thận trọng hơn đối với xu hướng của thị trường trong phiên giao dịch cuối năm.

# MARKET LENS

Phiên giao dịch ngày: 18/1/2023

## PHÂN TÍCH KỸ THUẬT



Thị trường tiếp tục duy trì đà tăng giá sau phiên bùng nổ ngày 17/1 với khối lượng giao dịch tiếp tục tích cực, kết phiên VNINDEX đóng cửa ở 1.098,28 điểm (+9,99 điểm +0,92%). Sau phiên break tin cậy, với đà tăng hôm nay VNINDEX tiếp tục bứt phá và đường kháng cự trên của kênh downtrend sẽ trở thành đường hỗ trợ trong thời gian tới.

## NHẬN ĐỊNH THỊ TRƯỜNG

Tiếp tục đà hưng phấn sau phiên bùng nổ, hôm nay thị trường tiếp tục giao dịch tích cực, VNINDEX tăng điểm suốt phiên và lực cầu về cuối phiên mạnh lên giúp chỉ số đóng cửa tăng 9,99 điểm (+0,92%) với khối lượng giao dịch tiếp tục duy trì ở mức tích cực (trên bình quân 20 phiên).

Phiên tăng điểm hôm nay tiếp tục củng cố động lực tăng điểm và thoát khỏi kênh downtrend sau phiên bùng nổ ngày 17/1, với trạng thái như hiện tại chúng tôi kỳ vọng đợt hồi phục diễn ra và VNINDEX hướng tới mục tiêu 1.150 điểm bởi 2 yếu tố: Thị trường thoát kênh downtrend và trước thời điểm Break trạng thái vận động của thị trường là tích lũy khá tốt. Tuy nhiên, thị trường hồi phục nhưng trong trạng thái biến động sẽ hẹp dần mang tính tích lũy, thị trường cần thêm thời gian để tích lũy đủ chặt chẽ thì mới có thể tạo ra uptrend tiếp theo. Đối với nhà đầu tư ngắn hạn, giai đoạn hồi phục trong thời gian tới sẽ tạo thêm cơ hội có thể giải ngân, thị trường sắp bước vào giai đoạn nghỉ lễ, cơ hội sẽ mở ra cho các nhà đầu tư ngắn hạn khi thị trường mở cửa trở lại và trong các phiên thị trường điều chỉnh.

Với góc nhìn trung - dài hạn, thị trường chuyển đổi trạng thái tích cực sẽ tạo ra thêm các cơ hội gia tăng tỷ trọng giải ngân với mức độ rủi ro thấp hơn, và thực tế chúng tôi liên tục khuyến nghị nhà đầu tư gia tăng vị thế nắm giữ trong thời gian qua để đón đầu giai đoạn mới tích lũy và bùng nổ. Uptrend chưa thể đến sớm nhưng giai đoạn tích lũy và hồi phục sắp tới vẫn tạo thêm cơ hội giải ngân gia tăng tỷ trọng trong các phiên điều chỉnh sắp tới. Hướng giải ngân nên tập trung vào các cổ phiếu có nền tảng cơ bản tốt, các cổ phiếu dẫn đầu ngành và vẫn duy trì được tăng trưởng lợi nhuận và tiếp tục có kỳ vọng tăng trưởng trong năm tới và tận dụng các phiên thị trường điều chỉnh giảm điểm để giải ngân.

Trong những phiên giao dịch cuối cùng của năm âm lịch, thị trường đã chuyển đổi trạng thái rất tích cực như nhận định ở trên. Chúng tôi kỳ vọng năm 2023 thị trường sẽ có đà vận động tích cực tích lũy và chuẩn bị cho Uptrend trở lại. Các nhà đầu tư có thể tận dụng các đợt điều chỉnh để tiếp tục gia tăng tỷ trọng đầu tư như chúng tôi khuyến nghị ở trên.

Quý nhà đầu tư có thể tham khảo danh mục cổ phiếu khuyến nghị của chúng tôi để có quyết định hợp lý.



## MARKET LENS

Phiên giao dịch ngày: 18/1/2023

## DANH SÁCH CỔ PHIẾU THEO DÕI

MÃ	Giá hiện tại (1.000đ)	Vùng mua dự kiến (1.000 đ)	Giá mục tiêu (1.000 đ)	Giá dừng lỗ (1.000đ)	Thông số cơ bản			Điều kiện giải ngân
					P/E	T.trường Doanh thu	T.trường Lợi nhuận	
IDC	39.50	37-38	45-47	30	6.2	127.9%	150.5%	Theo dõi chờ giải ngân
HCM	23.85	21.5-23	28-29	20	11.4	-30.6%	-48.2%	Theo dõi chờ giải ngân
ACB	25.50	22-23.5	29-30	21	7.3		70.6%	Theo dõi chờ giải ngân
HT1	13.05	11-12	14.5-15	10	19.4	117.6%	284.9%	Theo dõi chờ giải ngân
DBC	16.75	15-16.2	21-22	14	11.9	33.0%	49.5%	Theo dõi chờ giải ngân
GMD	48.80	46-48.5	57-59	43	14.8	36.1%	92.9%	Theo dõi chờ giải ngân
PTB	44.70	40-44	59-62	38	5.7	-10.6%	-29.9%	Theo dõi chờ giải ngân
VIB	22.90	20-22.7	27-28	19	5.6		101.6%	Theo dõi chờ giải ngân
CSV	31.70	30-33	40-42	28	3.6	61.3%	159.4%	Theo dõi chờ giải ngân
FRT	68.60	65-68	82-84	60	12.9	54.4%	78.2%	Theo dõi chờ giải ngân
CTR	59.80	56-58	78-80	52	15.2	35.6%	39.9%	Theo dõi chờ giải ngân

## DANH SÁCH KHUYẾN NGHỊ ĐANG MỞ

Ngày mở vị thế	MÃ	Giá hiện tại (1.000đ)	Giá mua (1.000đ)	Giá mục tiêu (1.000 đ)	Giá dừng lỗ (1.000đ)	Hiệu quả đầu tư (%)	Cập nhật Vị thế/trạng thái
18/11/2022	PVS	25.00	17.50	26-28	23	42.86%	Nắm giữ
5/12/2022	LPB	14.95	12.40	15-15.5	13.5	20.56%	Nắm giữ
28/12/2022	DPG	33.45	26.55	33-35	30	25.99%	Nắm giữ
1/3/2023	ANV	31.00	23.20	30-31	27	33.62%	Nắm giữ
1/4/2023	IDC	39.50	35.00	45-47	37	12.86%	Nắm giữ
1/6/2023	CLX	13.00	13.10	16.5-17	12	-0.78%	Nắm giữ
1/10/2023	ACB	25.50	23.10	29-30	23	10.39%	Nắm giữ
1/10/2023	EVF	8.28	8.23	10-10.5	7.5	0.61%	Nắm giữ
1/11/2023	HCM	23.85	22.75	28-29	21	4.84%	Nắm giữ
17/1/2023	MBB	19.55	18.80	23-25	18	3.99%	Nắm giữ
18/1/2023	DBC	16.75	15.90	21-22	15	5.35%	Giải ngân 15.9
18/1/2023	GMD	48.80	48.05	57-59	43	1.56%	Giải ngân 48.05

**TIN VĨ MÔ**

**Những mặt hàng xuất khẩu cán mốc tỷ USD chỉ trong vòng nửa đầu tháng 1/2023**

Theo số liệu mới được công bố bởi Tổng cục Hải quan, tổng trị giá xuất nhập khẩu hàng hóa của Việt Nam trong kỳ 1 tháng 1/2023 (từ ngày 1/1 đến ngày 15/1/2023) đạt 28,2 tỷ USD. Trong đó, kim ngạch xuất khẩu ước đạt 14,4 tỷ USD, kim ngạch nhập khẩu ước đạt 13,7 tỷ USD.

Xét theo mặt hàng xuất khẩu, một số nhóm hàng có kim ngạch xuất khẩu cán mốc tỷ USD như: Điện thoại các loại và linh kiện ước đạt 2,68 tỷ USD; máy vi tính, sản phẩm điện tử và linh kiện ước đạt 1,83 tỷ USD; máy móc, thiết bị, dụng cụ và phụ tùng khác ước đạt 1,71 tỷ USD; hàng dệt may ước đạt 1,56 tỷ USD; giày dép đạt 1,02 tỷ USD.

**Tỉnh có đường bờ biển dài nhất Việt Nam tăng trưởng GRDP cao nhất cả nước năm 2022**

Sau gần 3 năm dịch bệnh, tỉnh Khánh Hòa bất ngờ tăng trưởng đứng đầu cả nước (20,48%), cũng là mức tăng trưởng cao nhất trong 10 năm qua.

**Thành phố trực thuộc TW duy nhất lọt top 10 địa phương dẫn đầu tốc độ tăng trưởng sản xuất công nghiệp năm 2022**

Theo đó, Cần Thơ là thành phố trực thuộc TW duy nhất lọt top 10 địa phương dẫn đầu tốc độ tăng trưởng sản xuất công nghiệp năm 2022. Sản xuất công nghiệp của Cần Thơ đang trên đà phục hồi và tăng mạnh.

Theo Báo cáo tình hình kinh tế - xã hội quý IV và năm 2022, giá trị tăng thêm ngành công nghiệp năm 2022 tăng 7,69% so với năm trước. Trong đó, chỉ có một thành phố trực thuộc TW lọt top 10 địa phương dẫn đầu tốc độ tăng trưởng sản xuất công nghiệp năm 2022.

**Những “trụ cột” tăng trưởng năm 2023**

Xuất khẩu, công nghiệp chế biến, chế tạo, đầu tư công, năng suất lao động và chuyển đổi số... là những “trụ cột” thúc đẩy kinh tế Việt Nam tăng trưởng trong năm 2023.

**Lạm phát năm 2023 sẽ diễn biến ra sao?**

Sụt giảm đơn hàng, khó khăn về dòng tiền, khó tiếp cận nguồn vốn... đang là những nguyên nhân chính khiến phần lớn doanh nghiệp Việt đối diện với tình thế chông chênh để duy trì một phần hoạt động, trước khi có thể tính tới việc phục hồi trong thời gian tới.

**Thủ tướng: Không đánh đổi môi trường lấy tăng trưởng kinh tế đơn thuần**

Lạm phát so với cùng kỳ tại Việt Nam dự kiến đạt đỉnh vào tháng 1-2023 và giảm dần trong các tháng sau đó nhờ chính sách tiền tệ thận trọng của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (NHNN) năm 2022 và một số nền kinh tế có dấu hiệu suy thoái khiến giá nguyên – nhiên – vật liệu có xu hướng giảm, theo các chuyên gia.

**Rà soát, cắt bỏ các thủ tục hành chính có yêu cầu xuất trình sổ hộ khẩu**

Ngày 17/1, tại Hà Nội, Đại tướng Tô Lâm, Ủy viên Bộ Chính trị, Bộ trưởng Bộ Công an, Tổ trưởng Tổ công tác triển khai Đề án phát triển ứng dụng dữ liệu về dân cư, định danh và xác thực điện tử phục vụ chuyển đổi số quốc gia giai đoạn 2022 - 2025, tầm nhìn đến năm 2030 của Chính phủ (Đề án 06) đã chủ trì cuộc họp Tổ công tác triển khai Đề án 06/CP tháng 1/2023.

**Xuất khẩu nông sản 2023: Kỳ vọng những mặt hàng chủ lực**

Năm 2023, tình hình thế giới được dự báo có nhiều khó khăn, doanh nghiệp đối diện với tình trạng sụt giảm đơn hàng, song việc thị trường Trung Quốc vừa mở cửa và động lực tăng trưởng từ năm 2022 đang giúp xuất khẩu nông sản Việt Nam kỳ vọng đạt mục tiêu 55 tỷ USD.

**Một tập đoàn dầu khí Nga muốn cung cấp dầu thô dài hạn cho Việt Nam và xây dựng dự án kho dự trữ xăng dầu**

Mới đây, tại Trụ sở Bộ Công Thương, Bộ trưởng Nguyễn Hồng Diên đã tiếp ông Alexander I. Mikhaylov - Tổng giám đốc Công ty Zarubezhneft EP Vietnam (Zarubezhneft).

Tại buổi tiếp, Bộ trưởng đánh giá cao hợp tác của Zarubezhneft và Tập đoàn Dầu khí Việt Nam trong hoạt động tìm kiếm thăm dò khai thác dầu khí tại Việt Nam và tại Liên bang Nga, đặc biệt là 2 liên doanh Vietsovetpetro (ở Lô 09-1, Việt Nam) và Rusvietpetro (ở Nhenhexky, Liên bang Nga).



TIN DOANH NGHIỆP

**HAGL mời cổ đông nắm trên 200.000 cổ phiếu gặp gỡ ban lãnh đạo đầu năm mới, công bố nhà tài trợ mới cho CLB bóng đá**

Hoàng Anh Gia Lai (HAGL, HAG) vừa có thư gửi cổ đông vào ngày 18/1/2023. Ghi nhận, về tình hình hoạt động SXKD năm 2022 và kế hoạch năm 2023, ban lãnh đạo HAGL mong muốn được gặp gỡ các cổ đông và nhà đầu tư để chia sẻ thông tin.

**Hòa Phát nộp ngân sách 11.200 tỷ đồng năm 2022, những tỉnh nào hưởng lợi?**

Tập đoàn Hoà Phát vừa công bố, năm 2022, Tập đoàn đã nộp vào ngân sách Nhà nước gần 11.200 tỷ đồng. Trong đó, các công ty thành viên có đóng góp ngân sách nhiều nhất là Thép Hòa Phát Dung Quất, Thép Hòa Phát Hải Dương, Ống thép Hòa Phát.

**Noibai Cargo (NCT) lãi trước thuế 84 tỷ đồng trong quý 4/2022, tăng 22% so với cùng kỳ**

Lũy kế cả năm, NCT đạt 736 tỷ đồng doanh thu thuần, giảm nhẹ 1% và lãi sau thuế 237 tỷ đồng, tăng 6% so với cùng kỳ.

**Thu 10 đồng lãi 8 đồng, một công ty dịch vụ hàng không lãi năm 2022 đạt kỷ lục với 646 tỷ đồng**

CTCP Dịch vụ hàng hoá Sài Gòn (mã CK: SCS) vừa công bố BCTC hợp nhất quý 4/2022 với doanh thu thuần 196 tỷ đồng, giảm 26% so với cùng kỳ. Lũy kế cả năm, doanh thu công ty đạt 851 tỷ đồng, tăng nhẹ 1,4% so với năm ngoái và LNST ở mức 646 tỷ đồng, tăng 15%.

**Bột giặt LIX báo lãi năm 2022 hơn 263 tỷ, gần đến đỉnh cao nhất trong vòng 10 năm qua**

Quý 4/2022, Bột giặt LIX ghi nhận doanh thu thuần đạt 724 tỷ đồng, tăng 18 tỷ đồng so với cùng kỳ. Trừ chi phí vốn, LIX lãi gộp 153 tỷ đồng

**SAF tăng lợi nhuận nhờ nguyên liệu dự trữ ổn định**

Giá vốn giảm mạnh hơn doanh thu là yếu tố giúp lợi nhuận của CTCP Lương thực Thực phẩm Safoco (HNX: SAF) trong quý 4/2022 và lũy kế năm 2022 lần lượt tăng 27% và 5% so với cùng kỳ năm trước.

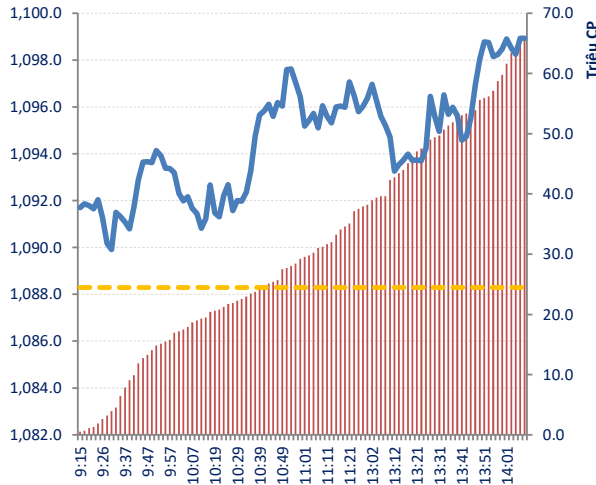
**Thiếu Amazon, lãi ròng của Gilimex giảm 92% trong quý 4**

Cũng giống như con diều đang bay cao bỗng đứng gió, lợi nhuận của Gilimex cũng tụt dốc không phanh khi thiếu mất sự nâng đỡ của Amazon. Trong báo cáo hợp nhất quý 4 vừa công bố, Gilimex đã ghi nhận doanh thu thuần 262 tỷ đồng và lãi ròng hơn 10 tỷ đồng, giảm tương ứng 81% và 92% so với cùng kỳ.

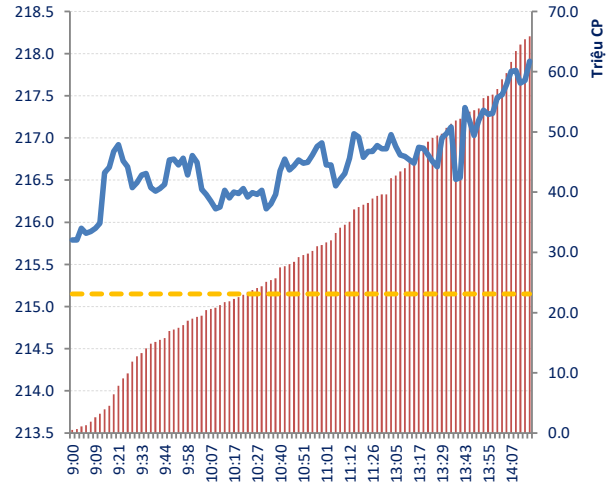


### THỐNG KÊ GIAO DỊCH

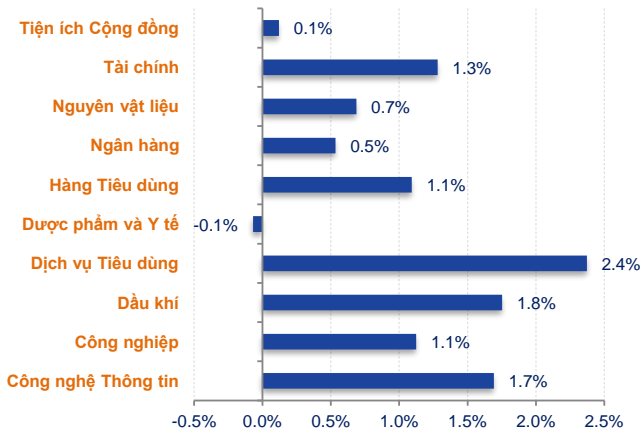
#### KLGD và VN-Index trong phiên



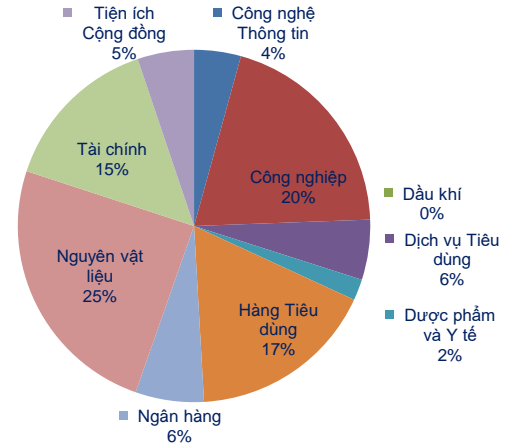
#### KLGD và HNX-Index trong phiên



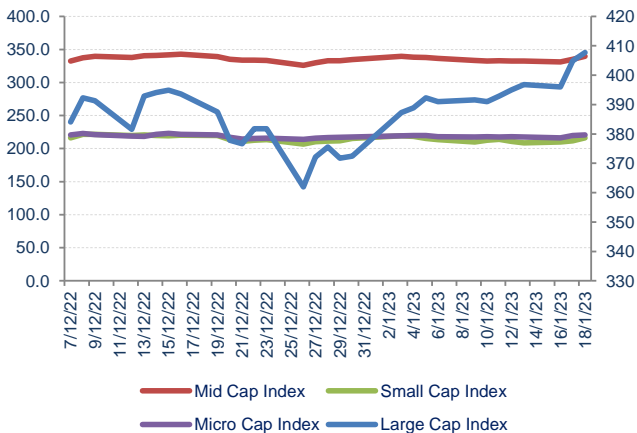
#### Biến động giá phân theo nhóm Ngành



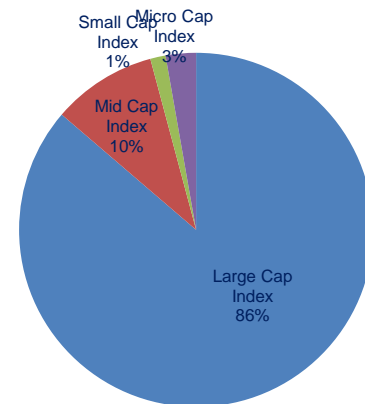
#### Giá trị giao dịch phân theo nhóm Ngành



#### Chuỗi Index theo nhóm vốn hóa



#### Giá trị giao dịch theo nhóm vốn hóa



#### Nhóm vốn hóa được phân loại bởi StoxPlus:

Large Cap: Vốn hóa trên 5000 tỷ      Small Cap: Vốn hóa từ 500 - 1000 tỷ  
 Mid Cap: Vốn hóa từ 1000 - 5000 tỷ      Micro Cap: Vốn hóa dưới 500 tỷ



## HOSE

## HNX

## Top 5 CP NĐT nước ngoài mua và bán nhiều nhất

TT	Mã CK	KL mua ròng	Mã CK	KL bán ròng	TT	Mã CK	KL mua ròng	Mã CK	KL bán ròng
1	VND	5,302,099	HHV	779,700	1	IDC	415,600	PVS	188,600
2	SSI	5,248,102	KBC	732,100	2	SHS	303,800	HOM	10,000
3	TEG	3,280,000	DCM	264,100	3	CEO	172,400	APS	2,500
4	HCM	1,610,599	DPM	200,300	4	HUT	110,400	TNG	2,100
5	HPG	1,585,289	PVT	194,300	5	NVB	28,300	PVC	1,300

## Top 5 CP có KLGD lớn nhất trong ngày

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	%	KLGD	Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	%	KLGD
VND	15.90	16.15	↑ 1.57%	26,512,200	SHS	9.60	9.50	↓ -1.04%	16,056,347
HPG	21.65	21.70	↑ 0.23%	26,450,200	CEO	20.50	22.50	↑ 9.76%	13,685,207
VPB	19.60	19.65	↑ 0.26%	26,275,400	PVS	24.00	25.00	↑ 4.17%	9,894,057
HAG	9.07	9.43	↑ 3.97%	22,986,900	TIG	8.20	9.00	↑ 9.76%	3,135,271
SSI	20.40	20.55	↑ 0.74%	19,367,400	IDJ	8.40	9.20	↑ 9.52%	2,951,348

## Top 5 CP tăng giá nhiều nhất trong ngày

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%	Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
SMA	7.00	7.49	0.49	↑ 7.00%	API	9.00	9.90	0.90	↑ 10.00%
PDN	130.50	139.60	9.10	↑ 6.97%	LBE	30.00	33.00	3.00	↑ 10.00%
VAF	8.47	9.06	0.59	↑ 6.97%	TVD	9.00	9.90	0.90	↑ 10.00%
ASM	8.93	9.55	0.62	↑ 6.94%	POT	18.20	20.00	1.80	↑ 9.89%
PGD	27.40	29.30	1.90	↑ 6.93%	PCE	25.30	27.80	2.50	↑ 9.88%

## Top 5 CP giảm giá nhiều nhất trong ngày

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%	Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
SCD	19.10	17.80	-1.30	↓ -6.81%	NBW	18.00	16.20	-1.80	↓ -10.00%
TEG	11.05	10.30	-0.75	↓ -6.79%	PRE	19.00	17.20	-1.80	↓ -9.47%
NAV	19.20	17.95	-1.25	↓ -6.51%	HJS	34.90	31.70	-3.20	↓ -9.17%
FDC	22.00	20.60	-1.40	↓ -6.36%	VBC	24.10	21.90	-2.20	↓ -9.13%
HU1	7.41	7.00	-0.41	↓ -5.53%	PGT	3.30	3.00	-0.30	↓ -9.09%

(\*) Giá điều chỉnh





## CHỈ SỐ TÀI CHÍNH

## Top KLGD lớn nhất HOSE

Mã	KLGD	ROE	EPS	P/E	P/B
VND	26,512,200	17.0%	2,092	7.6	1.3
HPG	26,450,200	18.5%	3,079	7.0	1.3
VPB	26,275,400	19.2%	2,742	7.1	0.9
HAG	22,986,900	21.7%	1,113	8.1	1.7
SSI	19,367,400	14.5%	2,144	9.5	1.4

## Top KLGD lớn nhất HNX

Mã	KLGD	ROE	EPS	P/E	P/B
SHS	16,056,347	25.5%	976	9.8	0.8
CEO	13,685,207	8.8%	1,210	16.9	1.5
PVS	9,894,057	3.9%	1,045	23.0	0.9
TIG	3,135,271	13.3%	1,845	4.4	0.5
IDJ	2,951,348	11.7%	1,309	6.4	0.7

## Top Đột biến giá HOSE

Mã	+/-%	ROE	EPS	P/E	P/B
SMA	↑ 7.0%	17.6%	1,796	3.9	0.6
PDN	↑ 7.0%	8.7%	3,640	35.8	2.9
VAF	↑ 7.0%	8.3%	1,036	8.2	0.7
ASM	↑ 6.9%	9.1%	2,148	4.2	0.4
PGD	↑ 6.9%	22.8%	3,667	7.5	1.8

## Top Đột biến giá HNX

Mã	+/-%	ROE	EPS	P/E	P/B
API	↑ 10.0%	22.0%	2,340	3.8	0.8
LBE	↑ 10.0%	10.1%	1,966	15.3	1.5
TVD	↑ 10.0%	19.9%	2,379	3.8	0.8
POT	↑ 9.9%	4.9%	815	22.3	1.1
PCE	↑ 9.9%	33.3%	7,035	3.6	1.2

## Top KLGD NĐT nước ngoài mua ròng HOSE

Mã	KL mua	ROE	EPS	P/E	P/B
VND	5,302,099	17.0%	2,092	7.6	1.3
SSI	5,248,102	14.5%	2,144	9.5	1.4
TEG	3,280,000	7.8%	1,103	10.0	0.8
HCM	1,610,599	12.4%	2,091	11.4	1.4
HPG	1,585,289	18.5%	3,079	7.0	1.3

## Top KLGD NĐT nước ngoài mua ròng HNX

Mã	KL mua	ROE	EPS	P/E	P/B
IDC	415,600	36.2%	6,373	6.2	2.0
SHS	303,800	25.5%	976	9.8	0.8
CEO	172,400	8.8%	1,210	16.9	1.5
HUT	110,400	7.5%	886	17.6	1.4
NVB	28,300	-7.5%	(713)	-	2.0

## Top Vốn hóa HOSE

Mã	Vốn hóa	ROE	EPS	P/E	P/B
VCB	423,087	22.0%	5,582	16.0	3.3
BID	227,381	17.5%	3,207	14.0	2.3
VHM	226,427	23.5%	7,265	7.2	1.6
VIC	210,529	0.6%	214	257.6	1.6
GAS	199,434	23.9%	7,058	14.8	3.4

## Top Vốn hóa HNX

Mã	Vốn hóa	ROE	EPS	P/E	P/B
KSF	18,900	6.8%	1,475	42.7	2.8
THD	14,315	12.6%	2,214	18.5	2.4
IDC	13,002	36.2%	6,373	6.2	2.0
PVI	11,712	3.8%	1,304	38.3	1.5
PVS	11,471	3.9%	1,045	23.0	0.9

## Top CP có hệ số Beta cao nhất sàn HOSE

Mã	Beta	ROE	EPS	P/E	P/B
DRH	2.62	1.4%	191	31.9	0.5
NKG	2.61	12.4%	2,821	5.5	0.7
HSG	2.54	2.2%	421	34.8	0.8
DXS	2.53	4.8%	861	7.3	0.3
DXG	2.50	5.9%	1,380	9.9	0.6

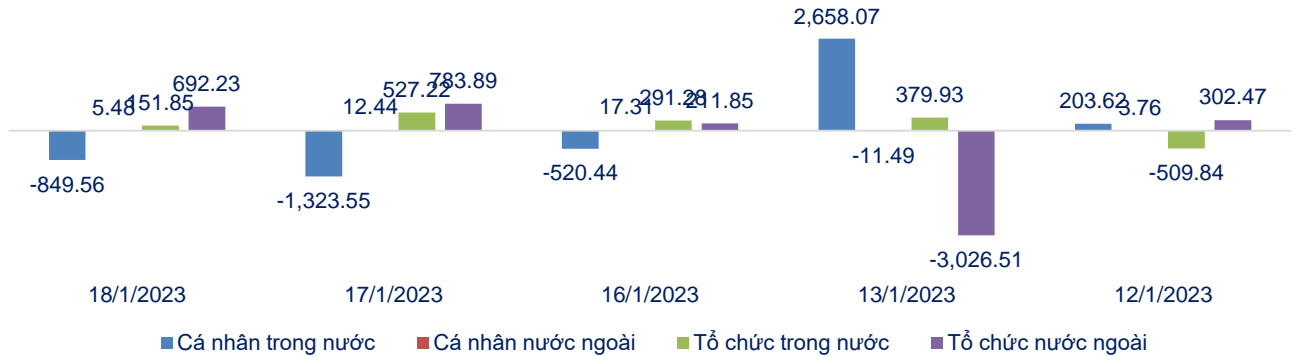
## Top CP có hệ số Beta cao nhất sàn HNX

Mã	Beta	ROE	EPS	P/E	P/B
L14	4.20	26.5%	5,055	10.2	4.3
APS	3.63	10.4%	1,598	6.3	0.7
API	3.45	22.0%	2,340	3.8	0.8
CEO	3.44	8.8%	1,210	16.9	1.5
IDJ	3.29	11.7%	1,309	6.4	0.7



THỐNG KÊ GIAO DỊCH THEO LOẠI NĐT

Giá trị ròng theo loại hình NĐT 5 phiên gần nhất (tỷ đồng)



Top Mua ròng Cá nhân trong nước

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
HHV	137.07	3.6%	1,006	12.4	0.4
REE	22.39	16.0%	7,773	8.9	1.3
KBC	18.55	13.1%	2,936	8.6	1.0
DPM	12.24	49.0%	15,543	2.7	1.3
GMD	10.29	13.2%	3,305	14.5	1.8

Top Bán ròng Cá nhân trong nước

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
SSI	-119.13	14.5%	2,144	9.5	1.4
VND	-92.08	17.0%	2,092	7.6	1.3
VIC	-72.14	0.6%	214	257.6	1.6
CTG	-64.52	15.5%	3,240	9.4	1.4
MSN	-48.34	24.9%	6,735	14.5	3.9

Top Mua ròng Cá nhân nước ngoài

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
VCG	4.06	10.7%	2,010	10.2	1.0
SSI	2.95	14.5%	2,144	9.5	1.4
HAG	2.09	21.7%	1,113	8.1	1.7
HVN	1.09	0.0%	(4,032)	-	-
DHA	1.06	16.9%	5,028	7.4	1.3

Top Bán ròng Cá nhân nước ngoài

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
CTG	-1.75	15.5%	3,240	9.4	1.4
VCB	-1.45	22.0%	5,582	16.0	3.3
HAH	-1.44	37.8%	11,926	2.9	0.9
NTL	-1.18	8.8%	1,790	9.5	0.8
LCG	-0.76	7.4%	982	9.9	0.7

Top Mua ròng Tổ chức trong nước

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
FPT	43.71	22.8%	4,799	17.1	3.7
VNM	36.45	25.0%	4,233	19.1	5.0
TCB	25.86	20.9%	6,037	4.8	0.9
MBB	25.50	25.4%	3,876	5.0	1.0
CTG	20.85	15.5%	3,240	9.4	1.4

Top Bán ròng Tổ chức trong nước

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
HHV	-127.24	3.6%	1,006	12.4	0.4
REE	-22.39	16.0%	7,773	8.9	1.3
FUEVFVND	-17.00	N/A	N/A	N/A	N/A
MSB	-12.02	19.2%	2,309	5.8	0.8
GMD	-11.15	13.2%	3,305	14.5	1.8

Top Mua ròng Tổ chức nước ngoài

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
SSI	105.22	14.5%	2,144	9.5	1.4
VND	84.97	17.0%	2,092	7.6	1.3
MSN	53.72	24.9%	6,735	14.5	3.9
VIC	53.38	0.6%	214	257.6	1.6
CTG	45.41	15.5%	3,240	9.4	1.4

Top Bán ròng Tổ chức nước ngoài

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
KBC	-19.40	13.1%	2,936	8.6	1.0
HHV	-9.87	3.6%	1,006	12.4	0.4
DPM	-8.52	49.0%	15,543	2.7	1.3
DCM	-6.99	48.0%	8,231	3.2	1.4
EIB	-5.01	14.5%	2,223	12.0	1.6

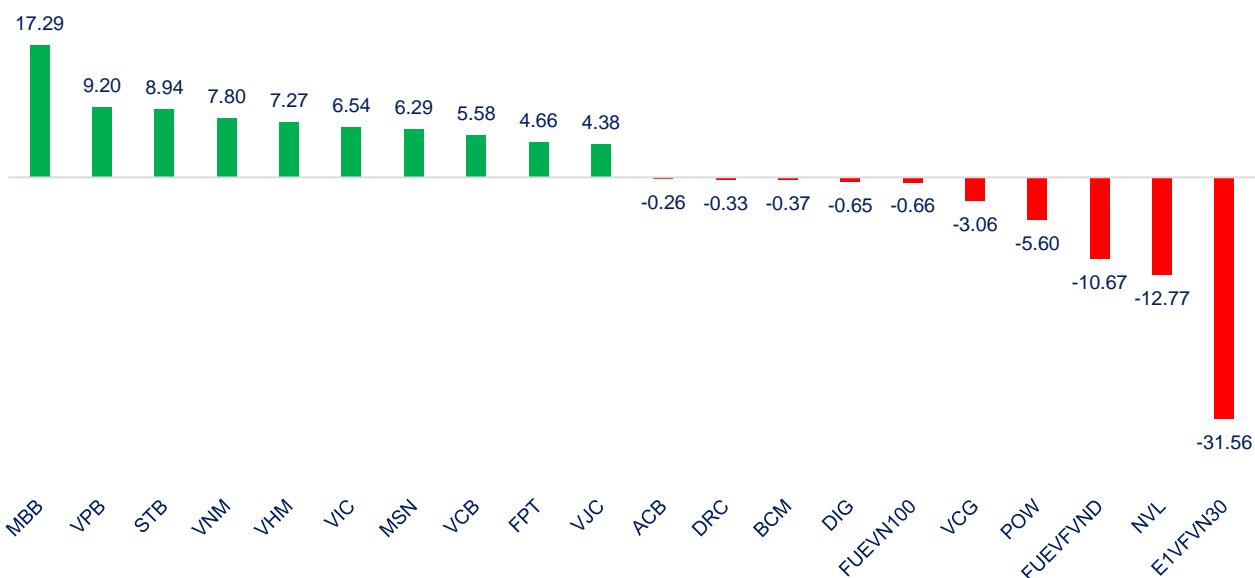


THỐNG KÊ GIAO DỊCH TỰ DOANH

Giá trị giao dịch ròng của tự doanh trong 5 phiên gần nhất (tỷ đồng)



Top cổ phiếu mua/ bán ròng của tự doanh trên HOSE (tỷ đồng)





Website: [www.shs.com.vn](http://www.shs.com.vn)

Chịu trách nhiệm nội dung:

**Phó phòng: Hồ Ngọc Việt Cường**  
[cuong.hnv2@shs.com.vn](mailto:cuong.hnv2@shs.com.vn)

**Tổ trưởng nghiệp vụ: Phan Tấn Nhật**  
[nhat.pt@shs.com.vn](mailto:nhat.pt@shs.com.vn)

**Chuyên viên: Nguyễn Đình Thắng**  
[thang.nd@shs.com.vn](mailto:thang.nd@shs.com.vn)

*Tất cả những thông tin nêu trong báo cáo nghiên cứu này đã được xem xét cẩn trọng, tuy nhiên Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội (SHS) không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo. Các quan điểm, nhận định và đánh giá trong báo cáo này là quan điểm cá nhân của các chuyên viên phân tích mà không đại diện cho quan điểm của SHS.*

*Báo cáo này chỉ nhằm mục tiêu cung cấp thông tin mà không hàm ý khuyên người đọc mua, bán hay nắm giữ chứng khoán. Người đọc chỉ nên sử dụng báo cáo nghiên cứu này như là một nguồn thông tin tham khảo.*

*SHS có thể có những hoạt động hợp tác kinh doanh với các đối tượng được đề cập đến trong báo cáo này. Người đọc cần lưu ý rằng SHS có thể có những xung đột lợi ích đối với các nhà đầu tư khi thực hiện báo cáo nghiên cứu phân tích này.*

*Dữ liệu tài chính được cung cấp bởi FiinGroup và Fialda*

Mọi thông tin xin vui lòng liên hệ:

### **Phòng Phân tích - Công ty Cổ Phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội**

#### **Trụ sở chính tại Hà Nội**

Tầng 1-5, Tòa nhà Unimex Hà Nội,  
Số 41 Ngô Quyền, Hàng Bài,  
Hoàn Kiếm, Hà Nội  
Tel: 84.24.38181888  
Fax: 84.24.38181688  
Email: [contact@shs.com.vn](mailto:contact@shs.com.vn)

#### **Chi nhánh Hồ Chí Minh**

Tầng 1&3, Tòa nhà AS,  
Số 236-238 Nguyễn Công Trứ,  
P.Nguyễn Thái Bình, Q.1, HCM  
Tel: 84.28.39151368  
Fax: 84.28.39151369  
Email: [contact-hcm@shs.com.vn](mailto:contact-hcm@shs.com.vn)

#### **Chi nhánh Đà Nẵng**

Tầng 8, Tòa nhà Thành Lợi 2,  
Số 03 Lê Đình Lý, Phường Vĩnh  
Trung, Quận Thanh Khê, Thành  
phố Đà Nẵng  
Tel: 84.236.3525777  
Fax: 84.236.3525779  
Email: [contact-dn@shs.com.vn](mailto:contact-dn@shs.com.vn)